TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/DS-PT
Ngày: 06/6/2024
V/v Tranh chấp về dân sự
Ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 103/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc *"Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2024/QXXĐPT – DS ngày 22/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2024/QĐPT-DS ngày 15/4/2024 và Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 305/TB –TA ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà M là chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996. Địa chỉ: khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (Hợp đồng ủy quyền ngày 30/6/2022).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà L1 anh Trần Tấn L2, sinh năm 1999. Địa chỉ: số A, tổ G, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (Hợp đồng ủy quyền ngày 26/02/2024)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Bá Lập E, sinh năm 1966.

3.2 Anh Lê Huỳnh N, sinh năm 1999.

3.3 Chị Lê Huỳnh Lệ X, sinh năm 2001.

3.4 Chị Lê Huỳnh Thị H, sinh năm 1994.

3.5 Bà Huỳnh Thị Thanh H1, sinh năm 1979.

3.6 Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1956.

3.7 Ông Huỳnh Văn Bé A, sinh năm 1972.

3.8 Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, Đồng Tháp.

3.9 Ngân hàng N1.

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt tại phiên tòa: Chị L, anh L2, ông T; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày*:**

Ngày 14/9/2003, bà M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phan Văn B và bà Huỳnh Thị L3 diện tích 1.008m^2 thuộc thửa 1712, tờ bản đồ 01, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C. Đất có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn M1 dài 55m.

- Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị L1 dài 55m.

- Hướng Nam giáp đường dal dài 18,5m.

- Hướng Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn X1 dài 18,5m.

Đến năm 2005, bà M thực hiện thủ tục và đã được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có đo đạc. Khi chuyển nhượng thì ông B có tiến hành đo đạc từ trụ đá có sẵn để xác định diện tích và làm hợp đồng bằng giấy tay với bà M. Bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân.

Ngày 11/6/2020, bà M đi đăng ký biến động và được Sở Tài Nguyên và

Môi trường tỉnh Đ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 933,5m^2 thửa 215, tờ bản đồ 4. Khi tiến hành điều chỉnh biến động có tiến hành đo đạc, có mời người giáp ranh, nhưng không có gì chứng minh.

Thửa đất số 215 của bà M tiếp giáp với thửa đất số 847 của bà Huỳnh Thị L1. Do bà M không trực tiếp sinh sống trên đất nên bà L1 đã di dời trụ đá ranh, lấn chiếm qua phần đất của bà M theo đo đạc thực tế diện tích 141,6m^2 nhưng không có gì chứng minh. Bà M làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P hòa giải buộc bà L1 trả lại phần đất lấn chiếm nhưng không thành. Đối với 02 trụ đá mà bà L1 xác định là ranh giới quyền sử dụng đất thì bà M không biết ai trồng và cũng không biết trồng vào thời gian nào.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu như sau:

1. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 215 với thửa 847 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là đường thẳng từ các mốc M2 – M23 – M20 – M19 – M17 – M11 – M10 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 09/11/2022.

2. Yêu cầu bà Huỳnh Thị L1 phải trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế diện tích 141,6m^2 thuộc một phần thửa số 215, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu bà L1 di dời các tài sản trên đất lấn chiếm.

Riêng diện tích 51,6m^2 phía sau tiếp giáp con mương, bà M xác định đây là diện tích đất thuộc thửa 215; không phải là lối đi chung như bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định khi tiến hành thẩm định ngày 09/11/2022. Nguyên đơn thống nhất, nếu có phát sinh tranh chấp về lối đi sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M đang giữ, không cầm cố thế chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện bị đơn là chị Trần Kim C1 và anh Nguyễn Tấn L4 trình bày:

Nguồn gốc đất diện tích 698,3m^2 thuộc thửa 847, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là của ông Huỳnh Văn L5 (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị P (chết năm 2009). Ông L5 và bà P là cha mẹ ruột của bà Huỳnh Thị L1.

Sau khi ông L5 và bà P chết, thì các anh em trong gia đình tiến hành phân chia tài sản vào ngày 13/9/2019. Bà L1 được nhận diện tích 698,3m^2 thuộc thửa

847, tờ bản đồ số 4 và căn nhà của ông L5, bà P cất vào năm 1976. Khi tiến hành làm thủ tục phân chia tài sản có tiến hành đo đạc, do hiện trạng ranh giới lúc đó có 03 trụ đá tiếp giáp với đất của bà M nên không mời người giáp ranh mà đo từ trụ đá. Ngày 22/10/2019, bà L1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần diện tích đất tranh chấp có một phần mái che được ông L5 và bà P cất từ năm 1976 và một phần nhà mộ được xây dựng từ năm 1997 nhưng không ai tranh chấp.

Phần diện tích đất của bà M có nguồn gốc là ông bà để lại cho ông Huỳnh Văn K từ năm 1985. Khi cho ông K có tiến hành cắm 03 trụ đá: Trụ thứ nhất tiếp giáp gần lộ hiện nay vẫn còn; trụ số 02 gần nhà mồ và trụ cuối ở phía sau. Hiện trạng 02 trụ đá hiện nay vẫn còn, là các trụ mà bà L1 xác định mốc ranh giới khi tiến hành xem xét thẩm định và đo đạc ngày 09/11/2022. Năm 2000, ông K tặng cho quyền sử dụng đất cho em là Huỳnh Thị L3 và Phan Văn B. Sau đó, bà L3 và ông B chuyển nhượng lại cho bà M nhưng trong gia đình không hay biết, không yêu cầu người có đất liền kề xác định ranh giới. Sau đó, gia đình bà L1 có yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất nhưng bà M không đồng ý.

Bà M cho rằng bà L1 di dời trụ đá lấn ranh giới quyền sử dụng đất là không đúng. Ông B và bà L3 có xác nhận hiện trạng ranh giới 02 thửa đất không thay đổi. Nay, bà Huỳnh Thị L1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và xác định ranh giới quyền sử dụng đất với bà M là 02 trụ đá, là đường thẳng từ các mốc M3 – M13 – M16 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 09/11/2022.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L1 đang thế chấp tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh P1, huyện C.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn T1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất của bà M là của ông K. Khi ông K được ông bà tặng cho quyền sử dụng đất có xác lập trụ đá vào năm 1985 theo như hiện trạng hiện nay. Trước đây, bà M có thỏa thuận nhận chuyển nhượng thêm 02m để làm nhà máy nhưng không được gia đình ông đồng ý. Bà M phát sinh tranh chấp ranh như hiện nay thì không rõ lý do. Trên diện tích đất tranh chấp có một phần căn nhà được ông L5 và bà P xây dựng năm 1976 và một nhà mồ được xây dựng năm 1997. Khi tiến hành xây dựng không ai tranh cảng và được sử dụng ổn định. Việc

này được những người trực tiếp tham gia xây dựng, những người xung quanh đều biết và có xác nhận gửi cho Tòa án.

Ngoài ra, ông T1 có phát sinh tranh chấp lối đi với bà M tại buổi thẩm định ngày 09/11/2022. Do bà M chưa cản trở việc sử dụng lối đi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn C trình bày:

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/11/2022, ông C có phát sinh tranh chấp lối đi với bà M. Do bà M chưa cản trở việc sử dụng lối đi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N1 trình bày ý kiến như sau:

Bà Huỳnh Thị L1 có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 349166, vào sổ cấp GCN: CS07837 cấp cho bà Huỳnh Thị L1 ngày 22/10/2019, thửa đất số 847, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để vay tiền tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh P1. Trong quá trình vay, bà L1 thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng nên không phát sinh tranh chấp.

Hiện nay, các khoản vay của bà L1 chưa vi phạm nghĩa vụ. Đồng thời, việc tranh chấp ranh giới giữa bà M và bà L1 không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu bà L1 thực hiện nghĩa vụ trước hạn và cam kết thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M;

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 215, tờ bản đồ số 4 do Nguyễn Thị M đứng tên quyền sử dụng với thửa 847, tờ bản đồ số 4 do hộ Huỳnh Thị L1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C là đường thẳng nối từ mốc M3 - M13 – M16 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 09/11/2022 và biên bản xem xét thẩm định ngày 09/11/2022.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

Bà Nguyễn Thị M và bà Huỳnh Thị L1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M được miễn tiền án phí sơ thẩm do là người cao tuổi.

3. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 6.588.000 (sáu triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn) đồng. (Đã nộp và chi xong)

Ngoài ra bản án còn tuyên về hướng dẫn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2023, bà Nguyễn Thị M kháng cáo yêu cầu xem xét sửa Bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc bà Huỳnh Thị L3 và những thành viên trong hộ phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 141,6m² thuộc một phần thửa số 215, diện tích 933,5m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do bà M đứng tên quyền sử dụng đất.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Chị Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Trần Tấn L2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L1 không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Xét kháng cáo của đương sự yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc bà Huỳnh Thị L3 và những thành viên trong hộ phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 141,6m^2 thuộc một phần thửa 215 diện tích 933,5m^2, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do bà M đứng tên quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp của bà Nguyễn Thị M là nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị L3 và ông Phan Văn B. Ngày 14/9/2003, ông B và bà L3 xác lập Giấy tay chuyển nhượng diện tích đất cho bà M. Đến ngày 14/3/2005, hai bên tiến hành thực hiện đúng hình thức hợp đồng nên bà M được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1712, tờ bản đồ số 01 cấp ngày 28/3/2005 nhưng không đo đạc thực tế. Đến ngày 11/6/2020, bà M đăng ký biến động nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cx 348501 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/4/2020 cũng không đo đạc thực tế, bà M trình bày có tiến hành đo đạc, mời người giáp ranh nhưng không có gì chứng minh.

Nguồn gốc đất diện tích 698,3m^2 thuộc thửa 847, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp của bà Nguyễn Thị L6 là của ông Huỳnh Văn L5 (chết năm 2007) và bà Nguyễn Thị P (chết năm 2009) để lại. Các anh em trong gia đình tiến hành phân chia tài sản vào ngày 13/9/2019. Khi tiến hành làm thủ tục phân chia tài sản có tiến hành đo đạc, do hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất lúc đó có 03 trụ đá tiếp giáp với đất của bà M nên không mời người giáp ranh mà đo từ trụ đá. Ngày 20/8/2019, khi tiến hành chỉnh lý biến động có tiến hành đo đạc nhưng không mời người giáp ranh là bà M tiến hành xác định mốc giới.

Tuy nhiên, căn cứ vào hiện trạng sử dụng diện tích đất tranh chấp có căn nhà của bà L6 được xây dựng từ năm 1976 và phần nhà mồ được xây dựng năm 1997, được hoàn thiện vào năm 2007. Ngoài ra, trên đất còn một số cây trồng do bà L6 trồng, quá trình sử dụng từ trước đến nay không ai tranh cảng. Những người làm chứng gồm ông Trần Nam V, Trần Văn T2, Trần Văn H2 và Tô Văn U xác định hiện trạng các công trình trên đất và trụ đá như hiện nay không hề thay đổi so với thời điểm được trồng. Đồng thời, bà L3 và ông B xác định khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà M, ông B và bà L3 cũng thống nhất ranh giới quyền sử dụng đất có 02 trụ đá. Bà M nhận đất sử dụng và không

có ý kiến gì. Đồng thời, xác định hiện trạng ranh giới với đất bà L6 không thay đổi hiện trạng. Bà M không có gì chứng minh cho ranh giới quyền sử dụng đất như bà M xác định.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 77/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Bà Nguyễn Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc bà Huỳnh Thị L1 và những thành viên trong hộ phải trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 141,6m² thuộc một phần thửa số 215, diện tích 933,5m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do bà M đứng tên quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 215, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là của bà Huỳnh Thị L3 và ông Phan Văn B. Ngày 14/9/2003, ông B và bà L3 xác lập giấy tay chuyển nhượng diện tích đất cho bà M. Đến ngày 14/3/2005, hai bên tiến hành thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nên bà M được đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 1712, tờ bản đồ số 01 cấp ngày 28/3/2005. Đến ngày 11/6/2020, bà M đăng ký biến động nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện bà M trình bày việc thực hiện thủ tục cấp giấy không có đo đạc. Tuy nhiên khi tiến hành điều chỉnh biến động có tiến hành đo đạc, có mời người giáp ranh nhưng không có gì chứng minh. Theo văn bản số 1034/STMT-VPĐKĐĐ, ngày 22/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thể hiện: Ngày 14/7/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị M thửa 215, tờ bản đồ số 4, diện tích 933,5m^2, mục đích đất ở tại nông thôn tọa lạc tại xã P, huyện C từ bản đồ cũ 299 sang bản đồ chính quy, chủ sử dụng đất không yêu cầu cơ quan chuyên môn đo đạc thực tế.

Căn cứ vào lời khai của bà Huỳnh Thị L3 và ông Phan Văn B là người chuyển nhượng đất cho bà M khai: Năm 1985, ông L5, bà P tặng cho diện tích đất thửa 215 cho ông K và có cắm trụ đá ranh giới quyền sử dụng đất. Bà L3 và ông B xác định căn nhà của bà L1 được xây dựng từ năm 1976, phần kim tỉnh được xây dựng từ năm 1997, sau đó được xây dựng thành nhà mồ như hiện nay. Năm 2000, ông K chuyển nhượng lại diện tích đất cho ông B và bà L3. Đồng thời, thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất được xác lập từ trước. Năm 2003, ông B và bà L3 chuyển nhượng diện tích đất cho bà M (nay là thửa 215) bằng giấy tay. Do không xác định diện tích theo Giấy chứng nhận là bao nhiêu nên ghi vào hợp đồng bề ngang là 18,5m. Tuy nhiên, theo thực tế bề ngang tiếp giáp lộ chỉ 16,4m, chiều ngang phía trong là 18,3m. Khi xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông B và bà L3 cũng thống nhất ranh giới quyền sử dụng đất có 02 trụ đá. Bà M nhận đất sử dụng và không có ý kiến gì. Đồng thời, xác định hiện trạng ranh giới với đất bà L1 (thửa 847) không thay đổi hiện trạng.

Còn bà L1 là bị đơn trình bày diện tích của bà L1 thuộc thửa 847, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp được cấp là căn cứ vào văn bản phân chia thừa kế được xác lập ngày 13/9/2019. Ngày 20/8/2019, khi tiến hành chỉnh lý biến động có tiến hành đo đạc nhưng không mời người giáp ranh là bà M tiến hành xác định mốc giới. Tuy nhiên, căn cứ vào hiện trạng sử dụng diện tích đất tranh chấp có căn nhà của bà L1 được xây dựng từ năm 1976 và phần nhà mồ được xây dựng năm 1997, được hoàn thiện vào năm 2007. Xét lời khai của bà L1 phù hợp với lời khai của bà L3 và ông B đồng thời phù hợp với lời khai của người làm chứng Tô Văn U1, Trần Nam V, Trần Nam T3 và Trần Văn H2. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà M2 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M;

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 215, tờ bản đồ số 4 do Nguyễn Thị M đứng tên quyền sử dụng với thửa 847, tờ bản đồ số 4 do hộ Huỳnh Thị L1 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện C là đường thẳng nối từ mốc M3 - M13 – M16 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 09/11/2022 và biên bản xem xét thẩm định ngày 09/11/2022.

Ranh giới quyền sử dụng đất trên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất.

Bà Nguyễn Thị M và bà Huỳnh Thị L1 có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M được miễn tiền án phí sơ thẩm do là người cao tuổi.

4. Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá là 6.588.000 (sáu triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn) đồng (Đã nộp và chi xong).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi Cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước